

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/DS-PT

Ngày: 24/02/2021

Về việc “*Tranh chấp thừa kế  
quyền sử dụng đất*”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Phước Hưng**

*Các Thẩm phán* : Ông **Trương Văn Hai**

Ông **Đào Chí Keo**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Phạm Thị Mộng Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:** Ông **Dương Quy Thái**, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 168/2020/TLPT-DS ngày 03/8/2020 về “*Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án số 195/2020/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện An Phú bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2020/QĐ-PT ngày 11/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2021/QĐ-PT ngày 27/01/2021 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* ông Dương Văn V (K), sinh năm: 1955; cư trú: ấp K1, xã A, huyện P, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

*Đại diện hợp pháp của ông V:* ông Lý Hồng P1, sinh năm 1965, cư trú: khóm A1, phường T, thị xã C, tỉnh An Giang. (có mặt)

*2. Bị đơn:* ông Dương Văn H, sinh năm: 1952; nơi cư trú: ấp K1, xã A, huyện P, tỉnh An Giang. (có mặt)

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ông Dương Văn P2, sinh năm: 1942 (đã chết);

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông P2:*

3.1.1 Bà Phan Thị T1, sinh năm 1950; (vắng mặt)

3.1.2 Bà Dương Thị Bích P3, sinh năm 1977; (vắng mặt)

3.1.3 Bà Dương Thị Kim L, sinh năm 1978; (vắng mặt)

3.1.4 Ông Dương Thanh V, sinh năm 1982; (vắng mặt)

3.1.5 Ông Dương Thanh B, sinh năm 1989. (vắng mặt)

Cùng cư trú: ấp K1, xã A, huyện P, tỉnh An Giang.

3.2 Ông Dương Văn T2, sinh năm 1948; cư trú: ấp K1, xã A, huyện P, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

3.3 Bà Dương Thị N, sinh năm 1948 (đã chết);

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà N:*

3.3.1 Ông Nguyễn Hồng M, sinh năm 1948; (vắng mặt)

3.3.2 Ông Dương Văn H1, sinh năm 1980; (vắng mặt)

3.3.3 Bà Dương Thị H2, sinh năm 1983; (vắng mặt)

3.3.4 Ông Dương Văn Đ, sinh năm 1987; (vắng mặt)

3.3.5 Ông Dương Văn D, sinh năm 1988. (vắng mặt)

Cùng cư trú: ấp K1, xã A, huyện P, tỉnh An Giang.

3.4 Bà Dương Thị Đ1, sinh năm 1959; cư trú: ấp K1, xã A, huyện P, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

3.5 Bà Dương Thị H3, sinh năm 1963; cư trú: ấp K1, xã A, huyện P, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

3.6 Bà Dương Thị N, sinh năm 1968; cư trú: ấp K1, xã A, huyện P, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

3.7 Ông Dương Văn R, sinh năm 1973; cư trú: ấp K1, xã A, huyện P, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

3.8 Bà Dương Thị N1, sinh năm 1966; cư trú: ấp Phước Thạnh, xã Phước Hưng, huyện P, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

3.9 UBND huyện P, tỉnh An Giang; địa chỉ: ấp An Thịnh, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang.

*Đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện P:* bà Nguyễn Thị Tuyết M1, Phòng Tài nguyên và môi trường huyện P. (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

*Người kháng cáo:* ông Dương Văn V là nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Nguyên đơn ông Dương Văn V trình bày: cha ông là ông Dương Văn Mão, sinh năm 1924 (chết năm 1969) để lại nhiều phần đất nhưng đã chia và cấp giấy cho các con xong hết, chỉ còn diện tích đất tổng cộng 4.872 m<sup>2</sup> (gồm đất thổ cư và đất vườn tạp) tọa lạc tại ấp K1, xã A, huyện P, tỉnh An Giang là chưa chia mà hiện do ông H quản lý. Khi cha ông chết không làm di chúc, lúc đó đất chưa được cấp giấy chứng nhận, mẹ là bà Lê Thị Thao quản lý phần đất này, mẹ ông chết năm 2007. Hiện phần đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Dương Văn H đứng tên năm 2000.

Ông Mão có tất cả 10 người con, trong đó có 01 người con riêng của mẹ là ông Dương Văn R, cha ông chia đất cho anh em và mỗi người đều sử dụng trên thực tế, chia đất trước khi ông H kê khai đăng ký quyền sử dụng đất.

Đối với phần đất thổ cư diện tích khoảng 1.985,5 m<sup>2</sup> thì anh em trong gia đình thống nhất thỏa thuận được không tranh chấp, bởi trên đất có nhà ổn định.

Đối với phần đất vườn tạp diện tích khoảng 2.495,1 m<sup>2</sup> lúc sống mẹ ông chia đều cho 04 người con ông Dương Văn P2, Dương Văn T2, Dương Văn V, Dương Văn H, lúc đó mẹ là người trực tiếp chia, còn cha thì chết năm 1969, khi chia chỉ nói miệng, không có ai chứng kiến, chỉ có mẹ và 04 người con được chia đất vườn tạp này biết. Khi chia thì anh em chưa nhận liền phần đất mà để mẹ tiếp tục sử dụng, quản lý hưởng tuổi già, sau này mẹ chết thì 04 anh em mới được quyền tự kê khai đăng ký phần của mình. Khi mẹ ông chết năm 2007 thì gia đình mới biết ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000 (ông H tự kê khai), khi đó anh em trong gia đình không đồng ý việc kê khai này, yêu cầu ông H tách bộ sang tên nhưng ông H chỉ đồng ý thỏa thuận được phần đất thổ cư, còn phần đất vườn tạp thì không đồng ý.

Việc ông H trình bày phần đất vườn tạp để lại hương quả là không đúng, bởi trước đây ông H đã nhận phần hương quả thêm 02 công trong tổng số 14 công mà cha mẹ chia (03 người con trai mỗi người 03 công, riêng ông H 05 công), phần đất này đã chia, ông xác định không tranh chấp, chỉ cung cấp cho Tòa án biết để làm chứng cứ là ông H có đất hương quả rồi chứ không phải đất vườn tạp như ông H trình bày. Còn những người con gái thì đã có phần hưởng rồi.

Nay ông V yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00800g/L cấp ngày 17/01/2000 do ông Dương Văn H đứng tên bởi đất này là đất thổ cư nhưng ông H lại chỉ kê khai đất nông nghiệp;

Yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất diện tích 446,2 m<sup>2</sup> hòa giải thành tại các

điểm 2, 3, 40, 39, 38, 37 theo bản đồ hiện trạng ngày 10/08/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh An Phú;

Yêu cầu ông H chia đất vườn tạp diện tích 620,5 m<sup>2</sup> tại các điểm 3, 4, 24, 25 (có mộ bà Ngô Thị Thanh) theo bản đồ hiện trạng ngày 16/4/2015 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh An Phú. Nếu được chia thì ông nhận đất, còn cây trồng mà ông H trồng sau này sau khi mẹ chết thì ông không đồng ý bồi thường.

\* Bị đơn ông Dương Văn H trình bày: ông thống nhất kết quả đo đạc bản đồ hiện trạng ngày 10/08/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh An Phú.

Đối với phần đất thổ cư diện tích 446,2 m<sup>2</sup> mà ông V yêu cầu tại các điểm 2, 3, 40, 39, 38, 37 theo bản đồ hiện trạng ngày 10/08/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh An Phú thì ông đồng ý chia cho ông V và đồng ý tách bộ để ông V đứng tên.

Cha ông chết năm 1969, mẹ chết năm 2007, khi cha mẹ chết thì có rất nhiều đất ruộng nhưng đã chia hết cho các con và đã tách bộ sang tên hết; phần đất tranh chấp mà ông V trình bày là phần đất vườn tạp có diện tích khoảng 2.495,1 m<sup>2</sup> là phần đất chia rồi hết còn thừa lại mà cha mẹ để lại cho ông do ông có công thờ cúng ông bà, trong phần đất này có mồ mã của anh chị em. Việc cha mẹ để lại cho ông thì lúc đó mẹ - bà Lê Thị Thao cũng còn sống và cũng thuận để đất lại, nên ông mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn nói giấy tờ cha mẹ cho thì ông không có, lúc đó anh em cũng thuận để lại cho ông mà không có ý kiến tranh chấp gì. Những người anh em khác như ông P2 (chết 2014), vợ ông P2 và ông T2 cũng đồng ý để lại chôn cất ông bà và không chia, chỉ có ông V là yêu cầu chia.

Việc ông V yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông, chia phần đất vườn tạp 620,5 m<sup>2</sup> thì ông không đồng ý, bởi đất này ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nếu Tòa án xét xử ông thắng kiện ông đồng ý giữ nguyên hiện trạng đất, cây cối mồ mã của gia đình ông V, còn nếu bắt buộc phải chia cho ông V thì ông V phải di dời các ngôi mộ và cây cối sang phần đất đã chia đó.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà T1 trình bày: Bà là vợ của ông P2 (ông P2 chết 2014), trước đây bà và các con có ủy quyền cho ông V tham gia tố tụng nhưng tại phiên hòa giải bà xác định chấm dứt ủy quyền, không ủy quyền cho ông V nữa mà sẽ tự trình bày ý kiến của mình: Bà là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông P2 (chết), bà và các con xác định không yêu cầu chia phần đất vườn tạp tổng diện tích 2.495,1 m<sup>2</sup>, mà đồng ý để lại cho ông H làm phủ thờ, sau này bà và các con có chết cũng chôn ở đó.

Ông H1 trình bày: Ông là con ruột thứ hai của bà N (bà N chết 2012), việc tranh chấp đất giữa ông V và ông H như thế nào thì ông không biết. Về nguồn gốc đất do ông còn nhỏ nên ông cũng không biết. Ông xác định không yêu cầu chia thừa kế gì cả.

Ông T2 trình bày: Phần đất tranh chấp giữa ông V và ông H có nguồn gốc từ cha mẹ ông để lại, việc tranh chấp giữa ông V và ông H như thế nào thì ông không có ý kiến. Ông không yêu cầu chia thừa kế gì cả.

Bà Đồng trình bày: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc từ cha mẹ bà để lại, việc tranh chấp giữa ông V và ông H như thế nào thì bà cũng không có ý kiến. Bà không yêu cầu chia thừa kế gì cả mà để lại cho ông H thờ cúng ông bà, phần đất đó cũng mồ mã đâu làm được gì.

Tại Bản án số 195/2020/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện An Phú đã xử:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn V về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất thổ cư có diện tích 446,2 m<sup>2</sup>.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn V.

Buộc ông Dương Văn H hoàn giá trị đất cho ông Dương Văn V với số tiền 18.713.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Dương Văn V về việc hủy giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00800g/L cấp ngày 17/01/2000 do ông Dương Văn H đứng tên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định miễn tiền án phí, việc thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/6/2020, ông Dương Văn V có đơn ghi ngày 31/5/2020 kháng cáo toàn bộ bản án với yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00800/GI do Ủy ban nhân dân huyện An Phú cấp ngày 17/01/2000 cho ông Dương Văn H đứng tên có diện tích 4.872m<sup>2</sup> để ông đăng ký quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 446,2m<sup>2</sup> và yêu cầu chia cho hương phần đất có diện tích 620,5m<sup>2</sup>, trên đất có 03 ngôi mộ (ngang 6,44m; dài 96,35m) và đồng ý hoàn lại giá trị chênh lệch cho những người thừa kế khác.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của ông Dương Văn V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông V và do Tòa án đã phối hợp với cơ quan chuyên môn biên tập lại bản vẽ nên nếu phần biên tập này bao trùm các ngôi mộ thì đồng ý nhận theo đúng kỹ phần được hưởng.

Đối với chi phí thẩm định, định giá tài sản, đại diện hợp pháp của ông V đồng ý tự nguyện chịu.

Ông Dương Văn H thống nhất với quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu về vụ án: từ khi thụ lý phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về nội dung: phần đất có diện tích 2.495,1m<sup>2</sup> có nguồn gốc là tài sản do cụ Mão, cụ Thao tạo lập để lại trị giá 187.1320.000 đồng, đồng thời, cụ Mão, cụ Thao có 10 người con nên Tòa án cấp sơ thẩm quyết định chia thừa kế cho các thừa kế của cụ Mão, cụ Thao là có căn cứ; Tòa án cấp sơ thẩm quyết định chia cho ông V giá trị kỷ phần mà ông V được hưởng với số tiền 18.713.000 đồng. Tuy nhiên xét thực tế, trên phần đất chia cho ông H còn gồm có các ngôi mộ bên vợ của ông V nhưng giao cho ông H quản lý toàn bộ diện tích đất sẽ gây khó khăn cho phía ông V trong việc coi sóc các phần mộ. Do vậy, để đảm bảo việc coi sóc mộ của người thân, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia thừa kế cho ông V bằng hiện vật, trong đó phần đất chia thừa kế cho ông V bao gồm các ngôi mộ theo bản vẽ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh An Phú lập ngày 24/12/2020; giữ nguyên các phần khác của bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa đã cho thấy:

[1] Về thủ tục: ông Dương Văn V là người cao tuổi có đơn xin miễn tiền án phí kháng cáo và kháng cáo trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo quy định.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng tất cả người có quyền, nghĩa vụ liên quan và người kế thừa của người có quyền, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không lý do, đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử là đúng với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Dương Văn V về việc yêu cầu được nhận hiện vật là 620,5m<sup>2</sup> đất vườn tạp và đồng ý hoàn giá trị phần diện tích đất vượt kỷ phần được hưởng (249,51m<sup>2</sup> đất trong trường hợp chia theo pháp luật) cho các đồng thừa kế vì cho rằng trên đất có các ngôi mộ thân nhân gia đình vợ ông; ngoài ra ông V còn cho rằng giữ ông và ông H đã thỏa thuận được về yêu cầu được chia 446,2m<sup>2</sup> đất mà hiện nay ông đang quản lý sử dụng nên ông đã rút đơn yêu cầu đối với phần diện tích đất này nhưng quyết định của bản án sơ thẩm không ghi nhận sự thỏa thuận này là có thiếu sót sẽ gây khó khăn cho việc yêu cầu thi hành án và cũng từ hai yêu cầu trên, ông yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H để cấp lại cho đúng hiện trạng sử dụng.

Hội đồng xét xử xét thấy: ông V cho rằng phần đất vườn tạp diện tích khoảng 2.495,1 m<sup>2</sup> được mẹ (bà Thao) chia cho 04 người con gồm ông Phi, ông T2, ông V và ông H nhưng lời trình bày này của ông không được các đồng thừa kế khác thừa nhận và ông cũng không cung cấp được chứng cứ về sự việc trên nên Tòa án nhân dân huyện An Phú không chấp nhận yêu cầu chia tài sản trên thành 04 phần như ông yêu cầu mà thực hiện chia thừa kế theo pháp luật cho các đồng thừa kế là có căn cứ, tuy nhiên Tòa án nhân dân huyện An Phú lại quyết định giao cho ông H luôn phần đất có các ngôi mộ của những người thân quá cố của ông V là chưa xem xét việc sử dụng đất, gây khó khăn cho ông V trong việc coi sóc các ngôi mộ của thân nhân ông nên cần thiết phải sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia kỹ phần thừa kế cho ông V bằng hiện vật.

[3.1] Xét yêu cầu được chia 620,5m<sup>2</sup> đất vườn tạp (bao gồm phần diện tích đất có các ngôi mộ của thân nhân ông V) theo Bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Chi nhánh huyện An Phú lập ngày 16/4/2015 hiện do ông Dương Văn H quản lý và được cấp quyền sử dụng đất, Hội đồng xét xử xét thấy: theo Bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Chi nhánh huyện An Phú lập ngày 16/4/2015, trên phần đất có diện tích 620,5m<sup>2</sup> mà ông V yêu cầu được chia thì ngoài mộ vợ, mẹ vợ và em vợ của ông V còn có phần mộ của bà N, ông P2 và ông V cũng đồng ý ổn định các phần mộ của thân tộc cũng như tạo điều kiện cho thân nhân người đã khuất coi sóc mồ mã và nhận thấy phần diện tích chia thừa kế cho ông V thỏa điều kiện tác thừa theo quy định tại Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND ngày 25/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang nên Hội đồng xét xử quyết định chia cho ông Dương Văn V được hưởng phần diện tích đất tương đương với kỹ phần thừa kế mà ông được hưởng là 250m<sup>2</sup> đất vườn là phù hợp, đảm bảo quyền sử dụng đất cho các bên.

Do phần đất vườn là di sản của cụ Mão, cụ Thao để lại và ông Dương Văn H đăng ký quyền sử dụng đất trong khi chưa thỏa thuận phân chia là chưa phù hợp nhưng do các thừa kế khác đồng ý giao lại cho ông Dương Văn H quản lý nên không cần thiết hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Dương Văn H nhưng các đương sự có quyền, nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng theo đúng diện tích đất được chia.

[3.2] Đối với kháng cáo cho rằng Tòa án nhân dân huyện An Phú không ghi nhận kết quả hòa giải thành đối với phần đất có diện tích 446,2m<sup>2</sup>, Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện hợp pháp của ông V rút lại yêu cầu đối với phần đất này nên Tòa án nhân dân huyện An Phú quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này mà không ghi nhận hòa giải thành là hoàn toàn phù hợp.

[4] Về chi phí tố tụng: quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án có thu 200.000 đồng tiền tạm ứng chi phí tố tụng để thực hiện việc thẩm định, định giá

nhưng lại không quyết định người phải chịu chi phí này là có thiếu sót nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của ông V tự nguyện chịu chi phí này và xét thấy sự tự nguyện này là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật, không ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự khác nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: ông Dương Văn V, ông Dương Văn H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, thuộc diện được miễn án phí nên Hội đồng xét xử quyết định miễn toàn bộ án phí dân sự cho ông V và ông H.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 649, Điều 650 và Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

#### **Xử:**

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Dương Văn V.

Sửa Bản án số 195/2020/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn V về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất thổ cư có diện tích 446,2 m<sup>2</sup>.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn V.

Ông Dương Văn V được hưởng kỷ phần thừa kế là quyền sử dụng đất đối với đất trồng cây lâu năm có diện tích 250m<sup>2</sup> tọa lạc tại xã A, huyện P, tỉnh An Giang được xác định tại các điểm A, 3, 2, B, 12, D, C, E, 20 theo Bản vẽ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh An Phú lập ngày 24/12/2020.

Ông Dương Văn H được hưởng thừa kế là quyền sử dụng đất đối với đất trồng cây lâu năm có diện tích 2.245,1m<sup>2</sup> tọa lạc tại xã A, huyện An Phú, tỉnh An Giang được xác định tại các điểm 1, B, 12, D, C, E, 20, A, 4, 5, 6, 23, 24, 26 theo Bản vẽ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh An Phú lập ngày 24/12/2020.



Các đương sự có quyền, nghĩa vụ liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Dương Văn V về việc hủy giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00800gL cấp ngày 17/01/2000 do ông Dương Văn H đứng tên.

Về thẩm định, định giá: ông Dương Văn V tự nguyện nộp 200.000 đồng (đã nộp xong)

Về án phí: ông V, ông H được miễn tiền án phí dân sự.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Tòa án nhân dân huyện An Phú;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện An Phú;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Phước Hưng**